



# Cập nhật PVD – KHẢ QUAN

Ngày 06/02/2026

---



## Phòng Phân tích & Chiến lược thị trường

(+84 8) 7300 7000

acbs\_phantich@acbs.com.vn

### Báo cáo Cập nhật

Khuyến nghị

**KHẢ QUAN****HOSE: PVD**

Dịch vụ Khoan Dầu khí

Giá mục tiêu (VND) 37.900

Giá hiện tại (VND) 33.550

Tỷ lệ tăng giá 13%

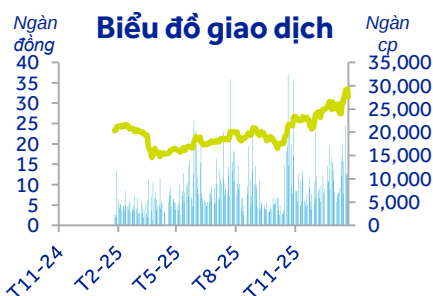
Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng 0%

Tổng tỷ suất lợi nhuận 13%

### Diễn biến giá cổ phiếu (%)

|           | YTD  | 1T   | 3T   | 12T  |
|-----------|------|------|------|------|
| Tuyệt đối | 11.3 | 15.3 | 38.4 | 45.1 |
| Tương đối | 12.4 | 15.5 | 30.4 | 2.3  |

Nguồn: Bloomberg



### Cơ cấu sở hữu

|                          |       |
|--------------------------|-------|
| PVN                      | 50,4% |
| Dragon Capital           | 10,9% |
| Norges Bank              | 1,7%  |
| CTBC Vietnam Equity Fund | 4,9%  |

### Thông kê

|                             |                 |
|-----------------------------|-----------------|
| <b>Mã Bloomberg</b>         | <b>PVD VN</b>   |
| Thấp/Cao 52 tuần (VND)      | 16,600 - 34,350 |
| SL lưu hành (triệu cp)      | 556             |
| Vốn hóa (tỷ đồng)           | 17,538          |
| Vốn hóa (triệu USD)         | 664             |
| Room khối ngoại còn lại (%) | 37.5            |
| Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%) | 47.0            |
| KLGD TB 3 tháng (cp)        | 10,102,000      |
| VND/USD                     | 26,401          |
| Index: VNIndex / HNX        | 1762.74/256.95  |

## TCT CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HOSE: PVD)

Lũy kế 2025, PVD đạt doanh thu 10.892 tỷ đồng (+17,3% svck, hoàn thành 151% kế hoạch), LNST đạt 1.050 tỷ đồng (+50,4% svck, hoàn thành 198% kế hoạch và 118% dự phóng của ACBS). Tăng trưởng đến từ giàn khoan mới PVD VIII và bán thanh lý giàn khoan đất liền PVD11.

Chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2026 đạt 11.954 tỷ đồng (+10% svck) và LNST 1.115 tỷ đồng (+6% svck) nhờ 2 giàn khoan mới là PVD VIII & PVD IX vận hành xuyên suốt với đơn giá cho thuê được cải thiện. Bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền, chúng tôi xác định giá mục tiêu cho năm 2026 là 37.900 đồng/cp. Tiềm năng tăng giá 13% từ giá hiện tại. Xếp hạng Khả quan.

Năm 2025, sự tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận được ghi nhận chủ yếu nhờ vào sự đóng góp từ giàn khoan PVD VIII - chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/9/2025. Bên cạnh đó, khối lượng công việc của mảng Kỹ thuật giếng khoan đã tăng lên.

Lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng mạnh đạt 142 tỷ đồng (+196% svck). Khoản lãi này chủ yếu đến từ PVD Baker Hughes.

Các khoản thu nhập khác cũng đóng góp đáng kể (tăng hơn 10 lần đạt 185 tỷ đồng). Trong đó bao gồm khoản hoàn thuế, và việc ghi nhận phần còn lại của khoản thoái vốn giàn khoan đất liền PVD11.

### Triển vọng 2026 tích cực

Động lực tăng trưởng chính của PVD đến từ: (1) tỷ lệ sử dụng giàn khoan (Utilization Rate) được duy trì ở mức cao, (2) đơn giá thuê ngày (Day Rate) đối với giàn khoan tự nâng tiếp tục giữ mức cao, (3) hai giàn khoan mới vừa đưa vào vận hành, và (4) các chính sách hỗ trợ từ chính phủ đối với ngành năng lượng.

|                           | 2023         | 2024         | 2025          | 2026F         | 2027F         |
|---------------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>DT Thuần (tỷ đồng)</b> | <b>5,804</b> | <b>9,288</b> | <b>10,892</b> | <b>11,954</b> | <b>13,559</b> |
| Tăng trưởng (%)           | 7%           | 60%          | 17%           | 10%           | 13%           |
| <b>EBITDA (tỷ đồng)</b>   | <b>1,766</b> | <b>2,059</b> | <b>2,425</b>  | <b>2,547</b>  | <b>3,105</b>  |
| Biên EBITDA (%)           | 30%          | 22%          | 22%           | 21%           | 23%           |
| <b>LN ròng (tỷ đồng)</b>  | <b>546</b>   | <b>698</b>   | <b>1,050</b>  | <b>1,115</b>  | <b>1,169</b>  |
| Tăng trưởng LN (%)        | -453%        | 28%          | 51%           | 6%            | 5%            |
| <b>EPS (VND)</b>          | <b>810</b>   | <b>1,000</b> | <b>1,538</b>  | <b>1,904</b>  | <b>1,996</b>  |
| Tăng trưởng (%)           | -424%        | 23%          | 54%           | 24%           | 5%            |
| <b>ROE (%)</b>            | <b>4%</b>    | <b>4%</b>    | <b>6%</b>     | <b>6%</b>     | <b>6%</b>     |
| <b>ROIC (%)</b>           | <b>3%</b>    | <b>4%</b>    | <b>5%</b>     | <b>5%</b>     | <b>5%</b>     |
| Nợ ròng/EBITDA (x)        | 1.9          | 1.5          | 1.8           | 2.2           | 2.1           |
| PER (lần)                 | 40.7         | 33.0         | 21.5          | 17.3          | 16.5          |
| EV/EBITDA (x)             | 10.4         | 8.8          | 6.7           | 6.2           | 4.7           |
| PBR (lần)                 | 1.2          | 1.1          | 1.1           | 1.0           | 1.0           |
| <b>Cổ tức (đồng)</b>      | <b>3</b>     | <b>3</b>     | <b>0</b>      | <b>0</b>      | <b>0</b>      |
| Suất sinh lợi cổ tức (%)  | 0%           | 0%           | 0%            | 0%            | 0%            |

## KQKD 2025 tăng trưởng tốt nhờ giàn khoan mới đi vào hoạt động

**Q4.2025, công ty đạt doanh thu 4.312 tỷ đồng (+54% svck), LNST đạt 374 tỷ đồng (+61% svck).** KQKD Q4.2025 tăng trưởng chủ yếu chủ yếu nhờ vào sự đóng góp từ giàn khoan PVD VIII.

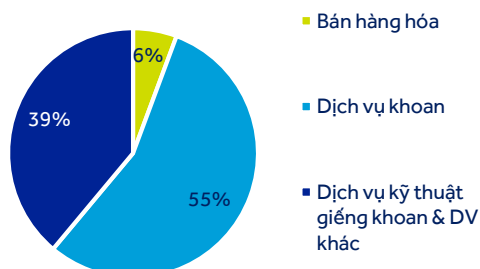
**Lũy kế 2025, PVD đạt doanh thu 10.892 tỷ đồng (+17,3% svck, hoàn thành 151% kế hoạch), LNST đạt 1.050 tỷ đồng (+50,4% svck, hoàn thành 198% kế hoạch và 118% dự phóng của ACBS).** Tăng trưởng KQKD chủ yếu đến từ: (1) Giàn khoan mới đi vào hoạt động góp phần gia tăng doanh thu, (2) Biên LNG cải thiện nhẹ từ 18,9% lên 19,1%, (3) Lợi nhuận từ công ty liên doanh / liên kết, và (4) Thu nhập khác. Cụ thể:

- Sự tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận trong năm được ghi nhận chủ yếu nhờ vào sự đóng góp từ giàn khoan PVD VIII - chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/9/2025. Bên cạnh đó, khối lượng công việc của mảng Kỹ thuật giếng khoan đã tăng lên.
  - Doanh thu mảng Dịch vụ khoan đạt 6.006 tỷ đồng (+7,2% svck), LNG đạt 1.197 tỷ đồng (tăng nhẹ svck), biên LNG mảng này giảm nhẹ xuống 19,9% (cùng kỳ đạt 21,3%).
  - Doanh thu mảng Kỹ thuật giếng khoan đạt 4.221 tỷ đồng (+73,5% svck), LNG đạt 848 tỷ đồng (+72,7% svck), biên LNG mảng này giữ nguyên tại mức 20,1%.
- Lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng mạnh đạt 142 tỷ đồng (+196% svck). Khoản lãi này chủ yếu đến từ PVD Baker Hughes, công ty này ghi nhận khoản lợi nhuận lên đến 270 tỷ đồng trong năm 2025.
- Tăng trưởng LNST 2025 có sự đóng góp lớn từ khoản thu nhập khác. Cụ thể, lợi nhuận từ thu nhập khác tăng hơn 10 lần đạt 185 tỷ đồng, trong đó bao gồm khoản hoàn thuế liên quan đến hoạt động của giàn khoan tại Malaysia giai đoạn 2020-2023, và việc ghi nhận phần còn lại của khoản thoái vốn giàn khoan đất liền PVD11 trong Q1/2025.

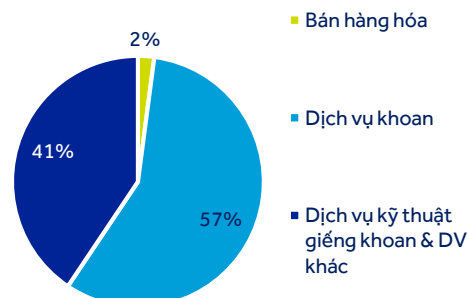
| Kết quả kinh doanh của PVD             | 2025          | 2024         | +/- svck     |
|----------------------------------------|---------------|--------------|--------------|
| <b>Doanh thu (tỷ VND)</b>              | <b>10,892</b> | <b>9,288</b> | <b>17.3%</b> |
| Bán hàng hóa                           | 615           | 1,201        | -48.8%       |
| Dịch vụ khoan                          | 6,006         | 5,602        | 7.2%         |
| Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan & DV khác | 4,221         | 2,433        | 73.5%        |
| <b>Lợi nhuận gộp (tỷ VND)</b>          | <b>2,077</b>  | <b>1,754</b> | <b>18.4%</b> |
| Bán hàng hóa                           | 44            | 43           | 0.4%         |
| Dịch vụ khoan                          | 1,197         | 1,193        | 0.3%         |
| Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan & DV khác | 848           | 491          | 72.7%        |
| <b>Biên lợi nhuận gộp (%)</b>          | <b>19.1%</b>  | <b>18.9%</b> | <b>0.2%</b>  |
| Bán hàng hóa                           | 7.1%          | 3.6%         | 3.5%         |
| Dịch vụ khoan                          | 19.9%         | 21.3%        | -1.4%        |
| Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan & DV khác | 20.1%         | 20.2%        | -0.1%        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>              | <b>1,050</b>  | <b>698</b>   | <b>50.4%</b> |

Nguồn: PVD, ACBS

Tỷ trọng doanh thu 2025



Tỷ trọng LNG 2025



Nguồn: PVD, ACBS

### Triển vọng kinh doanh 2026 tích cực

Động lực tăng trưởng chính của PVD đến từ: (1) tỷ lệ sử dụng giàn khoan (Utilization Rate) được duy trì ở mức cao, (2) đơn giá thuê ngày (Day Rate) đối với giàn khoan tự nâng tiếp tục giữ mức cao, (3) hai giàn khoan mới vừa đưa vào vận hành, và (4) các chính sách hỗ trợ từ chính phủ đối với ngành năng lượng. Cụ thể:

- Nhu cầu giàn khoan trong nước tăng cao**

Thị trường khoan dầu khí trong nước được nhận định tích cực, tạo ra khối lượng công việc dồi dào và bền vững cho PVD. Trong ngắn hạn, PVD đang tích cực chuẩn bị để tham gia vào các chương trình khoan trọng điểm, bao gồm dự án Lô B, Nam Du – U Minh và Sư Tử Trắng giai đoạn 2B.

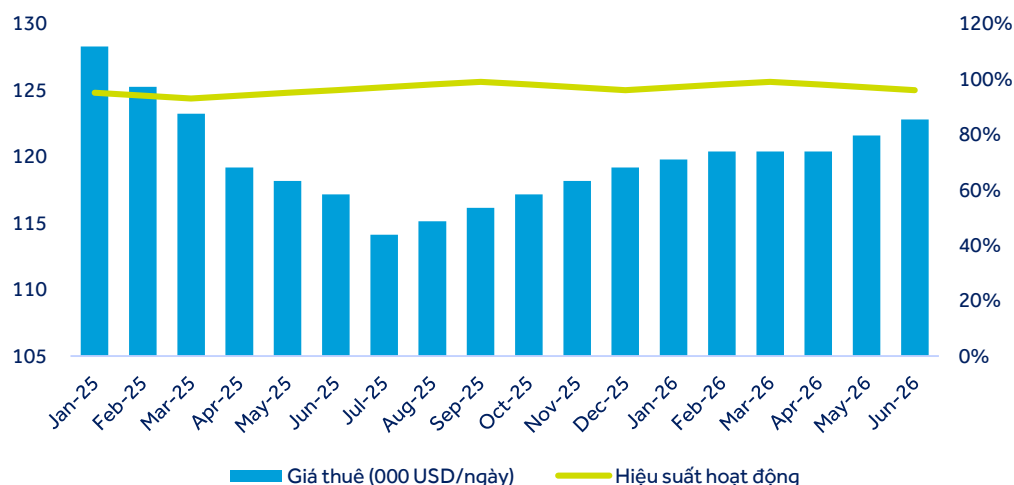
Trong dài hạn, chúng tôi ước tính trong nước phát triển khoảng 63 giếng/năm trong giai đoạn 2026-2030, nhu cầu này tương ứng với việc cần khoảng 12 giàn khoan tự nâng. PVD dự kiến sẽ duy trì 4-5 giàn khoan tại Malaysia & Indonesia do nhu cầu tăng cao và hợp đồng dài hạn.

- Giá thuê giàn khoan PVD tiếp tục giữ mức cao**

Giá thuê giàn khoan tự nâng tại khu vực Đông Nam Á cho thấy xu hướng tăng nhẹ trong năm 2026 khoảng 115.000-125.000 USD/ngày. Theo Westwood Global Energy Group, dự báo nguồn cung giàn khoan tự nâng trên toàn cầu sẽ duy trì gần như tương đương nhau qua các năm: 395 giàn vào năm 2025, 405 giàn vào năm 2026. Tỷ lệ sử dụng cũng sẽ duy trì trong mức 89%-90% cho giai đoạn năm 2026.

Cho giai đoạn 2026-2027, chúng tôi dự phóng giá thuê giàn khoan tự nâng của PVD sẽ duy trì ổn định mức trung bình khoảng 100.000 USD/ngày, phản ánh khả năng duy trì mức giá tốt của giàn khoan PVD trên thị trường khu vực.

Giá thuê giàn khoan tự nâng khu vực ĐNA



Nguồn: S&P, ACBS

### • Các giàn khoan PVD có hợp đồng xuyên suốt năm 2026

PV Drilling đã mua thêm hai giàn khoan là PV DRILLING VIII – đã đưa vào vận hành từ tháng 8/2025 và PV DRILLING IX (dự kiến vận hành vào Q2.2026). Hiện PV Drilling có 7 giàn khoan biển, trong đó 6 giàn tự nâng và một giàn nước sâu. Các giàn khoan đều có hợp đồng đến hết năm 2026, một số giàn có hợp đồng đến năm 2028. Trong năm 2026, PV Drilling tiếp tục duy trì 2 giàn khoan hoạt động tại thị trường Malaysia, bao gồm giàn PV DRILLING VI và PV DRILLING VIII.

### Kế hoạch khoan 2026

| Kế hoạch khoan        | 2026                   |   |   |            |   |                              |                       |   |   |       |    |    |
|-----------------------|------------------------|---|---|------------|---|------------------------------|-----------------------|---|---|-------|----|----|
|                       | 1                      | 2 | 3 | 4          | 5 | 6                            | 7                     | 8 | 9 | 10    | 11 | 12 |
| PV Drilling I         | PCSB                   |   |   |            |   | PVEP Cửu Long - cụm mỏ Sư tử |                       |   |   |       |    |    |
| PV Drilling II        | Pertamina ONWJ         |   |   |            |   |                              |                       |   |   |       |    |    |
| PV Drilling III       | Pertamina ONWJ         |   |   |            |   |                              |                       |   |   |       |    |    |
| PV Drilling VI        | SKEO                   |   |   | DIALOG     |   |                              | PCSB                  |   |   | ENEOS |    |    |
| PV Drilling VIII      | Vietsopetro            |   |   |            |   |                              | PCSB                  |   |   |       |    |    |
| PV Drilling IX        | Tái khởi động          |   |   |            |   |                              | Khách hàng trong nước |   |   |       |    |    |
| PV Drilling V (TAD)   | Brunei Shell Petroleum |   |   |            |   |                              |                       |   |   |       |    |    |
| Thuê ngoài Thor       | Hoang Long - Hoan Vu   |   |   |            |   |                              |                       |   |   |       |    |    |
| Thuê ngoài Hakuryu 14 | Murphy Oil             |   |   |            |   |                              |                       |   |   |       |    |    |
| Thuê ngoài GunnLord   | Hoang Long<br>Hoan Vu  |   |   | Thắng Long |   |                              |                       |   |   |       |    |    |

Nguồn: PVD, ACBS

**PVD I:** sẽ trở lại Việt Nam khi kết thúc chiến dịch khoan tại Malaysia, để cung cấp dịch vụ cho khách hàng PVEP Cửu Long - 3 giếng tại cụm mỏ Sư Tử, Lô 15-1, thời gian dự kiến 249 ngày từ tháng 3/2026.

**PVD VIII:** sẽ cung cấp dịch vụ tại Malaysia từ Q3.2026 trong vòng một năm. Cụ thể, chương trình khoan đầu tiên gồm 3 giếng khoan phát triển tại khu vực Đông Malaysia, sau đó giàn sẽ tiếp tục chương trình khoan phát triển gồm 7 giếng tại khu vực Sarawak.

**PVD VI:** sẽ khoan tại Malaysia trong năm 2026, sau đó giàn sẽ khoan cho Dự án phát triển mỏ Lô B&48/95 và Lô 52/97 - 40 giếng khoan phát triển trong khoảng 305 ngày, dự kiến bắt đầu triển khai trong khoảng thời gian 3/2027 đến tháng 8/2027.

**PVD IX:** đang thực hiện tái khởi động, tiếp tục được hoàn thiện để có thể sẵn sàng hoạt động trở lại từ Q2.2026.

- **Các chính sách hỗ trợ**

Các chính sách hỗ trợ cho ngành dầu khí – năng lượng trong thời gian qua bao gồm: (1) Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 nhấn mạnh tầm quan trọng về an ninh năng lượng, (2) PVN được giao thêm quyền hạn giúp rút ngắn thủ tục pháp lý, tạo đà cho việc đẩy mạnh triển khai các dự án năng lượng thượng nguồn, (3) bản Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030. Các chính sách trên kỳ vọng sẽ đẩy nhanh việc triển khai thăm dò / khai thác các dự án dầu khí mới, tạo việc làm ổn định cho PVD trong tương lai 5-10 năm. Việc PVN khẳng định duy trì tỷ lệ sở hữu chi phối trên 50% kỳ vọng đảm bảo vị thế của PVD trong hệ sinh thái năng lượng quốc gia.

- **Thông tin khác**

PVD có kế hoạch đầu tư thêm 1-2 giàn khoan tự nâng nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao của thị trường và kỳ vọng thời gian hoàn vốn trong 5 năm. Công ty cũng đang mở rộng tìm kiếm khách hàng tại các thị trường mới như Tây Phi và Thái Lan.

## Dự phóng và định giá 2026

Chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2026 đạt 11.954 tỷ đồng (+10% svck) và LNST 1.115 tỷ đồng (+6% svck) nhờ sự đóng góp thêm từ giàn khoan PVD VIII & PVD IX. Lĩnh vực kỹ thuật khoan và giếng khoan là động lực chính, đóng góp vào tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Hoạt động thăm dò và khai thác (E&P) vẫn duy trì tích cực trong giai đoạn năm 2026 nhờ sự suy giảm trữ lượng tự nhiên và yêu cầu chiến lược về an ninh năng lượng quốc gia.

**Bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền DCF, chúng tôi định giá PVD với giá mục tiêu đến cuối 2026 là 37.900 đồng/cp. Xếp hạng KHẢ QUAN.**

**MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ PVD**

| (đơn vị: tỷ đồng nếu không có ghi chú khác) | 2023         | 2024         | 2025          | 2026F         | 2027F         |
|---------------------------------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>                      | <b>5,804</b> | <b>9,288</b> | <b>10,892</b> | <b>11,954</b> | <b>13,559</b> |
| <i>Tăng trưởng (%)</i>                      | 7%           | 60%          | 17%           | 10%           | 13%           |
| GVHB trừ khấu hao                           | 3,642        | 6,650        | 7,966         | 8,729         | 9,628         |
| Chi phí bán hàng và QLDN                    | 547          | 635          | 856           | 999           | 1,154         |
| <i>Chi phí bán hàng và QLDN/DTT</i>         | 9%           | 7%           | 8%            | 8%            | 9%            |
| <b>EBITDA</b>                               | <b>1,766</b> | <b>2,059</b> | <b>2,425</b>  | <b>2,547</b>  | <b>3,105</b>  |
| <i>Tỷ suất EBITDA (%)</i>                   | 30%          | 22%          | 22%           | 21%           | 23%           |
| Khấu hao                                    | 857          | 884          | 850           | 865           | 1,317         |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>                    | <b>759</b>   | <b>1,119</b> | <b>1,221</b>  | <b>1,361</b>  | <b>1,460</b>  |
| <i>Biên LN HĐKD (%)</i>                     | 13%          | 12%          | 11%           | 11%           | 11%           |
| Chi phí lãi vay ròng                        | 250          | 238          | 191           | 270           | 326           |
| <i>Chi phí lãi vay/Nợ ròng trung bình</i>   | 7%           | 8%           | 4%            | 5%            | 5%            |
| Thuế                                        | 112          | 239          | 333           | 296           | 292           |
| <i>Thuế suất thực tế (%)</i>                | 17%          | 26%          | 24%           | 21%           | 20%           |
| Lợi ích CĐTS                                | (39)         | 0            | 13            | 56            | 58            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                   | <b>546</b>   | <b>698</b>   | <b>1,050</b>  | <b>1,115</b>  | <b>1,169</b>  |
| <i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>              | 9%           | 8%           | 10%           | 9%            | 9%            |
| Tiền mặt đạt được                           | 2,256        | 2,203        | 1,823         | 2,320         | 2,322         |
| Số lượng cổ phiếu (triệu cp)                | 556          | 556          | 556           | 556           | 556           |
| <b>EPS (VND)</b>                            | <b>810</b>   | <b>1,000</b> | <b>1,538</b>  | <b>1,904</b>  | <b>1,996</b>  |
| T/đ chia thưởng/cổ tức bằng cp (lần)        | 1.0          | 1.0          | 1.0           | 1.0           | 1.0           |
| <b>EPS hiệu chỉnh (VND)</b>                 | <b>810</b>   | <b>1,000</b> | <b>1,538</b>  | <b>1,904</b>  | <b>1,996</b>  |
| <i>Tăng trưởng EPS hiệu chỉnh (%)</i>       | -424%        | 23%          | 54%           | 24%           | 5%            |

| <b>CÁC KHOẢN MỤC CĐKT VÀ DÒNG TIỀN</b> | <b>2023</b>   | <b>2024</b>   | <b>2025</b>    | <b>2026F</b>   | <b>2027F</b>   |
|----------------------------------------|---------------|---------------|----------------|----------------|----------------|
| Thay đổi vốn lưu động                  | 309           | (391)         | (320)          | (2,205)        | (754)          |
| Capex                                  | (149)         | (1,371)       | (2,885)        | (307)          | (262)          |
| Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh    | 666           | 681           | 770            | 773            | 873            |
| <b>Dòng tiền tự do</b>                 | <b>984</b>    | <b>601</b>    | <b>(678)</b>   | <b>3,822</b>   | <b>2,920</b>   |
| Phát hành cp                           | 0             | 0             | 0              | 0              | 0              |
| Cổ tức đã trả                          | 3             | 3             | 0              | 0              | 0              |
| Thay đổi nợ ròng                       | 1,525.2       | (268.4)       | (1,823.9)      | (604.1)        | (1,129.1)      |
| <b>Nợ ròng cuối năm</b>                | <b>193</b>    | <b>(75)</b>   | <b>(1,899)</b> | <b>(2,503)</b> | <b>(3,632)</b> |
| Giá trị doanh nghiệp                   | 18,425        | 18,157        | 16,333         | 15,729         | 14,600         |
| <b>Vốn CSH</b>                         | <b>14,898</b> | <b>16,052</b> | <b>17,096</b>  | <b>18,434</b>  | <b>18,455</b>  |
| Giá trị sổ sách/cp (VND)               | 26,781        | 28,856        | 30,733         | 33,138         | 33,175         |
| Nợ ròng / VCSH (%)                     | 1.3%          | 0.5%          | 11.1%          | 13.6%          | 19.7%          |
| Nợ ròng / EBITDA (x)                   | 11%           | 4%            | 78%            | 98%            | 117%           |
| <b>Tổng tài sản</b>                    | <b>21,633</b> | <b>23,615</b> | <b>28,311</b>  | <b>29,245</b>  | <b>30,693</b>  |

| <b>CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỢI VÀ ĐỊNH GIÁ</b> | <b>2023</b> | <b>2024</b> | <b>2025</b> | <b>2026F</b> | <b>2027F</b> |
|---------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|
| ROE (%)                                     | 3.7%        | 4.3%        | 6.1%        | 6.0%         | 6.3%         |
| ROA (%)                                     | 2.5%        | 3.0%        | 3.7%        | 3.8%         | 3.8%         |
| ROIC (%)                                    | 3%          | 4%          | 5%          | 5%           | 5%           |
| WACC (%)                                    | 9.9%        | 10.1%       | 10.0%       | 9.9%         | 10.1%        |
| EVA (%)                                     | -7%         | -6%         | -5%         | -5%          | -5%          |
| PER (x)                                     | 40.7        | 33.0        | 21.5        | 17.3         | 16.5         |
| EV/EBITDA (x)                               | 10.4        | 8.8         | 6.7         | 6.2          | 4.7          |
| EV/FCF (x)                                  | 18.7        | 30.2        | (24.1)      | 4.1          | 5.0          |
| PBR (x)                                     | 1.2         | 1.1         | 1.1         | 1.0          | 1.0          |
| PSR (x)                                     | 3.1         | 2.0         | 1.7         | 1.5          | 1.3          |
| EV/sales (x)                                | 3.2         | 2.0         | 1.5         | 1.3          | 1.1          |
| Suất sinh lợi cổ tức (%)                    | 0%          | 0%          | 0%          | 0%           | 0%           |

### LIÊN HỆ

#### Trụ sở chính

Trụ sở chính

Leman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Xuân Hòa, TP.HCM

Tel: (+84 28) 7300 1000

#### Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh, P. Cửa Nam, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3942 9395

### PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

#### Giám Đốc Phòng Phân Tích & Chiến Lược Thị Trường

**Đỗ Minh Trang**

(+84 28) 7300 7000 (x1041)

[trangdm@acbs.com.vn](mailto:trangdm@acbs.com.vn)

### KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

#### Trưởng phòng khối khách hàng định chế

**Chu Thị Kim Hương**

(+84 28) 7300 7000 (x1083)

[huongctk@acbs.com.vn](mailto:huongctk@acbs.com.vn)

[groupis@acbs.com.vn](mailto:groupis@acbs.com.vn)

#### Giám đốc Xử lý giao dịch

**KHĐC**

**Nguyễn Trần Như Huỳnh**

(+84 28) 7300 6879 (x1088)

[huynhntn@acbs.com.vn](mailto:huynhntn@acbs.com.vn)

## KHUYẾN CÁO

### Nguyên Tắc Khuyến Nghị

**MUA:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 20% so với giá thị trường.

**KHẢ QUAN:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.

**TRUNG LẬP:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong khoảng -10% và 10% so với giá thị trường.

**KÉM KHẢ QUAN:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.

**BÁN:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 20% so với giá thị trường.

### Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

### Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào. ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

### Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

**Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này.** Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

**Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.**

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2026). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích. Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.